

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11/5/2021

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giang Phước Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chung Thị Ngọc.

2. bà Lâm Lệ Oanh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2020 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Thùy Tr, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Lâm Hoàng Kh, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 01, Khu phố B, phường P, thành phố H, Kiên Giang.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Thùy Tr trình bày: Bà và ông Lâm Hoàng Kh kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/3/2016. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, bà và ông Kh không còn chung sống cùng nhau đã hơn 02 năm. Hiện nay không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Lâm Tứ D, giới tính nam, sinh ngày 19/6/2015. Khi ly hôn bà đồng ý giao con lại cho ông Kh được nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Hoàng Kh có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 05/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Kh trình bày: Ông và bà Mai Thị Thùy Tr kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang. Nay bà Tr xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà Tr.

Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Lâm Tứ D, giới tính nam, sinh ngày 19/6/2015, ông yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận cho bà Tr ly hôn với ông Kh. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao con chung cho ông Kh tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng của ông Kh. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Án phí: Buộc bà Tr chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Lâm Hoàng Kh có hộ khẩu thường trú tại khu phố B, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Mai Thị Thùy Tr, bị đơn ông Lâm Hoàng Kh có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Mai Thị Thùy Tr và ông Lâm Hoàng Kh kết hôn với nhau, hôn nhân do ông bà tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang vào ngày 03/3/2016. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Tr, ông Kh đều xác nhận quan hệ hôn nhân của ông bà đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn quay về đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của bà Tr, ông Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình thụ lý giải quyết bà Tr vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn với ông Kh; Tại bản tự khai ngày 05/01/2021 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/4/2021 ông Kh cũng thống nhất ly hôn nhưng nguyên đơn bà Tr có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Tại phiên Tòa xét xử bà Tr, ông Kh đều có đơn xin vắng mặt nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần chấp nhận cho bà Tr được ly hôn với ông Kh.

[4] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Lâm Tứ D, giới tính nam, sinh ngày 19/6/2015, hiện nay con đang sống cùng ông Kh. Khi ly hôn ông Kh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, bà Tr cũng thống nhất ý kiến của ông Kh, bà đồng ý giao con cho ông Kh nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện nay cháu D đang sống cùng ông Kh nên việc ông Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D là tạo điều kiện cho cháu D phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho ông Kh nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến ông Kh không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Tr khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Mai Thị Thùy Tr với ông Lâm Hoàng Kh.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Tứ D, giới tính nam, sinh ngày 19/6/2015 cho ông Lâm Hoàng Kh tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến ông Kh không yêu cầu bà Tr phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Ông Kh cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Mai Thị Thùy Tr phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Tr đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0009185 ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà Tr không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Giang Phước Thành**